

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Ung thư

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **PHÙNG THỊ HUYỀN**

2. Ngày tháng năm sinh: 02/09/1978; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **Xã Xuân Hưng, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa.**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **Phòng A2808- N04 (Udic Complex), Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.**

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

TS. Phùng Thị Huyền

Khoa Nội Quán sứ – Bệnh viện K

Số 30 Cầu Bươu, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0989356631;

E-mail: phungthihuyen@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
T2/2007-T1/2014	Bác sỹ nội khoa Ung thư – Khoa Nội 2 – Bệnh viện K
T2/2014 – T10/2016	Phó Trưởng khoa Nội Quán Sứ - Bệnh viện K
T11/2016 – T4/2017	Phó trưởng khoa – Phụ trách khoa Nội Quán Sứ - Bệnh viện K
T5/2017 – T8/2017	Trưởng khoa Nội Quán Sứ - Bệnh viện K Kiêm nhiệm Giảng viên – Phó chủ nhiệm bộ môn Ung bướu, Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam
T9/2017 – T7/2019	Trưởng khoa Nội Quán Sứ - Bệnh viện K Kiêm nhiệm Giảng viên – Phó chủ nhiệm bộ môn Ung bướu, Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam Phó Bí thư Chi bộ Lâm sàng Quán Sứ 1
T8/2019-T3/2020	Trưởng khoa Nội Quán Sứ - Bệnh viện K Kiêm nhiệm Giảng viên – Phó chủ nhiệm bộ môn Ung bướu, Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam Phó Bí thư Chi bộ Lâm sàng Quán Sứ 1 Kiêm Phụ trách Phòng kế hoạch tổng hợp – Bệnh viện K
T4/2020 – T9/2020	Trưởng khoa Nội Quán Sứ - Bệnh viện K Kiêm nhiệm Giảng viên – Phó chủ nhiệm bộ môn Ung bướu, Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam Kiêm Phụ trách Phòng kế hoạch tổng hợp – Bệnh viện K Bí thư chi bộ Tân Triều 8
T10/2020-T11/2020	Trưởng khoa Nội Quán Sứ - Bệnh viện K Kiêm nhiệm Giảng viên – Phó chủ nhiệm bộ môn Ung bướu, Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam Bí thư chi bộ Tân Triều 8
T12/2020-T12/2022	Trưởng khoa Nội Quán Sứ - Bệnh viện K Kiêm nhiệm Giảng viên – Phó chủ nhiệm bộ môn Ung bướu, Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam Bí thư chi bộ Tân Triều 8 Thành viên Ban kiểm soát – Bệnh viện K
T1/2023 đến nay	Trưởng khoa Nội Quán Sứ - Bệnh viện K Kiêm nhiệm Giảng viên – Phó chủ nhiệm bộ môn Ung bướu, Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam

Bí thư chi bộ Tân Triều 8

Chức vụ hiện nay: Trưởng khoa Nội Quán Sứ - Bệnh viện K;

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Khoa Nội Quán Sứ

Phụ trách Phòng kế hoạch tổng hợp – Bệnh viện K

Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện K

Địa chỉ cơ quan: 30 Cầu Bươu, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0243.533.8900

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, Trường Đại học Y Hà Nội

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 06 tháng 09 năm 2002; số văn bằng: B0450402; ngành: Y học, chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Bác sỹ nội trú bệnh viện ngày 12 tháng 10 năm 2007; số văn bằng: C000410; ngành: Y học, chuyên ngành: Ung thư; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 21 tháng 06 năm 2010; số văn bằng: A003237; ngành: Y học, chuyên ngành: Ung thư; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 27 tháng 10 năm 2017; số văn bằng: 007115; ngành: Y học; chuyên ngành: Ung thư; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày tháng năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

+ **Nghiên cứu về chẩn đoán, điều trị và ứng dụng các phương pháp điều trị nội khoa mới trong ung thư vú.**

+ **Nghiên cứu về chẩn đoán, điều trị và ứng dụng các phương pháp điều trị nội khoa mới trong ung thư phụ khoa.**

+ Nghiên cứu về chẩn đoán, điều trị một số bệnh ung thư phổ biến khác.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) ... NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 12 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 01 đề tài cấp nhà nước; 07 đề tài cấp cơ sở.
- Đã công bố (số lượng) 62 bài báo khoa học, trong đó 16 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 01, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cấp Bộ năm 2019: Quyết định số 2469/QĐ-BYT ngày 14/6/2019.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế:
 - + Năm 2018, theo quyết định số 2764/QĐ-BYT ngày 7/5/2018.
 - + Năm 2020, theo Quyết định số 610/QĐ-BYT ngày 24/2/2020.
 - + Năm 2022, theo quyết định số 1459/QĐ-BYT ngày 6/6/2022.
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở - Bệnh viện K:
 - + Năm 2014, theo quyết định số 72/QĐ-BVK ngày 3/02/2015.
 - + Năm 2016, theo quyết định số 49/QĐ-BVK ngày 13/01/2017.
 - + Năm 2017, theo quyết định số 29/QĐ-BVK ngày 10/01/2018.
 - + Năm 2018, theo quyết định số 300/QĐ-BVK ngày 14/01/2019.
 - + Năm 2019, theo quyết định số 4461/QĐ-BVK ngày 25/12/2019.
 - + Năm 2020, theo quyết định số 15/QĐ-BVK ngày 07/01/2021.
 - + Năm 2021, theo quyết định số 24/QĐ-BVK ngày 14/01/2022.
 - + Năm 2022, theo quyết định số 2447/QĐ-BVK ngày 27/12/2022.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Trung thành với Tổ quốc Việt Nam, tha thiết yêu nghề, hết lòng thương yêu chăm sóc giáo dục sinh viên, học viên.
- Là một cán bộ giảng dạy mẫu mực, có tinh thần trách nhiệm cao, đồng thời là một cán bộ hết lòng vì công việc, vì sự phát triển bền vững của Trường Đại học Y Hà Nội và Học viện

Y – Dược học cổ truyền Việt Nam. Luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với vai trò giảng viên – phó chủ nhiệm bộ môn Ung bướu, Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam và giảng viên thỉnh giảng của Bộ môn Ung thư, Trường đại học Y Hà Nội. Mỗi khi giảng dạy luôn có đầy đủ giáo án khi lên lớp và luôn lên lớp đúng giờ. Ngoài ra còn tham gia giảng bài tại các lớp tập huấn ung thư thuộc Dự án phòng chống ung thư Quốc gia, Bệnh viện vệ tinh, dự án NORED, dự án 1816. Hướng dẫn thực hành cho các sinh viên Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, học viên cao học, bác sĩ nội trú, bác sĩ chuyên khoa cấp I, chuyên khoa định hướng của Trường Đại học Y Hà Nội tại Bệnh viện K. Trực tiếp hướng dẫn luận văn tốt nghiệp cho học viên cao học, bác sĩ nội trú, bác sĩ chuyên khoa cấp II, tham gia hướng dẫn cho nghiên cứu sinh. Ngoài ra, tôi nhiều lần tham gia Hội đồng chấm đề cương, luận văn, luận án, chuyên đề, tiểu luận tổng quan tại Đại học Y Hà Nội. Tham gia công tác chỉ đạo tuyên, hướng dẫn thực hành ung thư cho các bác sĩ tuyến y tế địa phương. Tôi thường xuyên được mời tham gia giảng dạy tại các lớp tập huấn ngắn hạn cho các đối tượng công tác trong chuyên ngành ung thư được tổ chức tại Bệnh viện K và các tỉnh như tập huấn về phát hiện sớm bệnh ung thư, chẩn đoán và điều trị bệnh ung thư.

- Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho học trò. Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp và chia sẻ kinh nghiệm về phát triển chuyên môn của bản thân nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc xây dựng kế hoạch dạy học và đào tạo. Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp về kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm vận dụng những phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học viên.

- Trung thực, lối sống khiêm tốn và giản dị. Quan hệ với đồng nghiệp tốt, với học viên đúng mực. Luôn chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức cho học viên và đồng nghiệp.

- Chấp hành đầy đủ và đúng mọi nội qui, qui định trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của nhà trường và các qui định của bệnh viện.

- Có đầy đủ giáo trình, giáo án, chuẩn bị bài đầy đủ khi lên lớp. Lên lớp đúng giờ.

- Giảng dạy có chất lượng tốt, đạt hiệu quả rõ rệt, thể hiện có nhiều học viên giỏi.

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, có nhiều đóng góp xây dựng đơn vị, nhà trường và bệnh viện.

- Luôn kết hợp tốt giữa giảng dạy, nghiên cứu khoa học và thực hành nhằm phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe của người dân được tốt nhất.

- Luôn cố gắng phát triển tốt mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, bệnh viện và xã hội. Luôn là tấm gương mẫu mực, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm trong việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong nhà trường.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 06 năm 2 tháng

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017-2018			2 BSNT, CH (HD2)		160	44	204/220,6/135
2	2018-2019			0		202,5	44	246,5/246,5/135
3	2019-2020			6 BSNT, CH, CK2 (Hướng dẫn chính 04 BSNT, 01 CH, HD2: 01 BSCK2)		0	140,8	140,8/274,1/135
03 năm học cuối								
4	2020-2021			3 BSNT, CH (HD chính 02 CH, 01 BSNT)		64,5	88	152,5/227,5/135
5	2021-2022			1 CH (HD chính 01 CH đã cấp bằng, 2 BSNT chưa cấp bằng)		65,5	105	170,5/220,5/135
6	2022-2023			Đang HD 01 CH, 02 BSNT, 2 NCS		255,5	137,4	392,9/392,9/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ Tiếng Anh B2, số E15003314, cấp ngày 05/01/2016, nơi cấp: Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Xuân Dũng		BSNT		X		Đại học Y Hà Nội	16/12/2019
2	Lý Thị Thu Hiền		CH		X		Đại học Y Hà Nội	03/12/2018
3	Nguyễn Thái Sơn		CK2		X		Đại học Y Hà Nội	11/01/2021
4	Nguyễn Việt Cường		CH	X			Đại học Y Hà Nội	15/01/2021

5	Phạm Hoàng Giang		BSNT	X			Đại học Y Hà Nội	21/01/2021
6	Nguyễn Thị Hà		BSNT	X			Đại học Y Hà Nội	21/01/2021
7	Nguyễn Thị Lợi		BSNT	X			Đại học Y Hà Nội	21/01/2021
8	Trịnh Thị Thanh		BSNT	X			Đại học Y Hà Nội	21/01/2021
9	Khúc Chí Hiếu		CH	X			Đại học Y Hà Nội	28/02/2022
10	Phan Hữu Kiệt		BSNT	X			Đại học Y Hà Nội	30/02/2022
11	Nguyễn Thị Hoà		CH	X			Đại học Y Hà Nội	28/02/2022
12	Nguyễn Thị Hoa		CH	X			Đại học Y Hà Nội	16/01/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi được công nhận PGS/TS							
1	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh ung thư thường gặp	TK	Nhà xuất bản Y học 2019	29		327-345; 367-379	

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Trước khi được công nhận Tiến sĩ					
1	Đánh giá một số độc tính của phác đồ hoá chất hỗ trợ AC-TH trên bệnh nhân ung thư vú có Her2/neu dương tính	CN	Đề tài cơ sở	2014	19/12/2014
2	Nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ mới trong chẩn đoán và điều trị bệnh ung thư vú	Nghiên cứu viên	Đề tài nhà nước	2012-2015	17/12/2015 Loại khá
Sau khi được công nhận Tiến sĩ					
3	Đánh giá hiệu quả phác đồ Everolimus kết hợp Exemestane trong điều trị ung thư vú di căn	CN	Đề tài cơ sở	2017	25/12/2017
4	Đánh giá kết quả bước đầu hỗ trợ trước phác đồ hoá chất kết hợp trastuzumab trên bệnh nhân ung thư vú có Her2/neu dương tính	CN	Đề tài cơ sở	2018	28/12/2018 Xếp loại A
5	Đánh giá sống thêm 5 năm ở bệnh nhân ung thư vú giai đoạn II-III điều trị hỗ trợ bằng phác đồ 4AC-4 paclitaxel kết hợp trastuzumab	CN	Đề tài cơ sở	2019	24/12/2019 Xếp loại A
6	Đánh giá kết quả hoá trị hỗ trợ trước phác đồ 4AC-4T liều đầy trên bệnh nhân ung thư vú có thụ thể ba âm tính tại Bệnh viện K	CN	Đề tài cơ sở	2020	26/10/2020 Xếp loại A
7	Đánh giá kết quả hoá trị hỗ trợ trước phác đồ hoá chất kết hợp Trastuzumab và Pertuzumab trên bệnh nhân ung thư vú Her2/neu dương tính	CN	Đề tài cơ sở	2021	16/12/2021 Xếp loại B
8	Đánh giá đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị ung thư vú dị sản tại Bệnh viện K	CN	Đề tài cơ sở	2022	12/12/2022 Xếp loại A

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
<i>Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ</i>								
1	Đánh giá hiệu quả điều trị và độc tính phác đồ lipo-dox đơn thuần trên bệnh nhân ung thư vú tái phát và hoặc di căn tại bệnh viện K	2		Tạp Chí Ung Thư Học Việt Nam, ISSN: 1859-400			2/ 202-209	2011
2	Đánh giá một số độc tính trên hệ tạo huyết của phác đồ xạ trị áp sát suất liều cao kết hợp xạ ngoài và cisplatin trong điều trị ung thư cổ tử cung giai đoạn IIB-IIIB	3		Tạp chí Y học thực hành, ISSN: 1859-1663			3 (814)/ 61-64	2012
3	Đặc điểm lâm sàng, mô bệnh học bệnh nhân ung thư vú có bộ ba thụ thể âm tính ER (-), PR (-), Her 2 (-) giai đoạn 2005-2007 tại bệnh viện K	3	x	Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			Số 2 tháng 1/15-18	2012
4	Kết quả điều trị bệnh nhân ung thư vú có bộ ba thụ thể âm tính ER (-), PR (-), Her 2 (-) giai đoạn 2005-2007 tại Bệnh viện K	3	x	Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			Số 2 tháng 1/55-58	2012

5	Nghiên cứu đánh giá hiệu quả điều trị trong ung thư phổi không tế bào nhỏ bằng hóa – xạ trị đồng thời	9		Tạp chí Y học thực hành, ISSN: 1859-1663			12 (899) 47-52	2013
6	Đánh giá một số độc tính của phác đồ hóa chất hỗ trợ AC-TH trên bệnh nhân ung thư vú có Her 2/neu dương tính	3	x	Tạp Chí Ung Thư Học Việt Nam, ISSN: 1859-400			2/ 562-569	2014
7	Đánh giá hiệu quả của phác đồ Paclitaxel – Carboplatin trong điều trị ung thư vú tái phát, di căn	3		Tạp chí Y học thực hành, ISSN: 1859-1663			7 (925)/ 135-139	2014
8	Đánh giá hiệu quả hóa chất phác đồ Irrinotecan kết hợp Cisplatin trong điều trị ung thư phổi tế bào nhỏ giai đoạn lan tràn	4		Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			Số 2 tháng 4/ 97-101	2014
9	Đánh giá hiệu quả phác đồ hóa chất kết hợp kháng thể đơn dòng trastuzumab trong điều trị hỗ trợ ung thư vú	4	x	Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			Số 2 tháng 11/ 99-104	2015
Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ								
Các bài báo Quốc tế								
10	Application of St Gallen Categories in Predicting Survival for Patients With Breast Cancer in Vietnam https://doi.org/10.1177/1073274819862794	7		Cancer Control, ISSN: 1073-2748	ISI/Scopus IF 2.339		26/1-10	2019

11	Evaluation of Biomarker status changes between primary and recurrent tumor tissue samples in breast cancer patients https://doi.org/10.1155/2019/7391237	5	x	BioMed Research International, ISSN: 2314-6133	Scopus, CiteScore 5,0		2019/1-7	2019
12	Clinicopathological features and outcomes following for primary branchiogenic carcinoma: A case report https://doi.org/10.1016/j.ehpc.2020.200362	4		Human Pathology: Case Reports, Online ISSN: 2772-736X	Scopus, CiteScore 0,3		19/1-3	2020
13	A Novel BRCA1 Gene Mutation Detected With Breast Cancer in a Vietnamese Family by Targeted Next-Generation Sequencing: A Case Report https://doi.org/10.1177/1178223420901555	11		Breast Cancer: Basic and Clinical Research, ISSN: 1178-2234	Scopus, CiteScore 4,1		14/1-4	2020
14	Mesectodermal leiomyoma of the ciliary body: Two Vietnamese case reports https://doi.org/10.1016/j.ehpc.2020.200381	4		Human Pathology: Case Reports, Online ISSN: 2772-736X	Scopus, CiteScore 0,3		20/1-3	2020
15	Aggressive lactating adenoma mimicking breast carcinoma: A case report https://doi.org/10.1016/j.ijscr.2020.03.047	5	x	International Journal of Surgery Case Reports, Online ISSN: 2210-2612	Scopus, CiteScore 0,9		70/17-19	2020

16	Pathological Complete Response with Neoadjuvant Trastuzumab Combined with Chemotherapy in HER2 Positive Breast Cancer: A Single Institution Retrospective Analysis from Vietnam https://doi.org/10.2147/BCTT.S268369	6	x	Breast Cancer: Targets and therapy, ISSN: 1179-1314	ISI/Scopus IF 5.088		2020:12/117-122	2020
17	Evaluation of tumor budding in predicting survival for gastric carcinoma patients in Vietnam https://doi.org/10.1177/1073274820968883	9		Cancer Control, ISSN: 1073-2748	ISI/Scopus IF 2.339		27/1-12	2020
18	Combined p53 and Bcl2 Immunophenotypes in Prognosis of Vietnamese Invasive Breast Carcinoma: A Single Institutional Retrospective Analysis https://doi.org/10.1177/1533033820983081	6		Technology in Cancer Research & Treatment, ISSN: 1533-0346	ISI/Scopus IF 2.876		19/1-12	2020
19	Uterine Tumor Resembling Ovarian Sex Cord Tumor: Clinicopathological Characteristics of a Rare Case https://doi.org/10.1159/000508180	5		Case Reports in Oncology, ISSN: 1662-6575	Scopus, CiteScore 1,3		13 (2): 807–812	2020

20	Treatment outcome and prognosis factors of FIGO 2018 stage III cervical cancer patients treated with definitive concurrent chemoradiation in Vietnam https://doi.org/10.3155/7/apjcp.2021.22.3.853	6	x	Asian Pacific Journal of Cancer Prevention, ISSN 2476-762X	Scopus, CiteScore 3,1		22(3)/853-859	2021
21	Molecular classification predicts survival for breast cancer patients in Vietnam: a single institutional retrospective analysis https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC7994142/	5		International Journal of Clinical and Experimental Pathology ISSN: 1936-2625	ISI, Pubmed		14(3): 322–337	2021
22	Peutz – Jeghers syndrome with gastric type mucinous endocervical adenocarcinoma in a young woman: A case report https://doi.org/10.1016/j.amsu.2021.102700	6		Annals of Medicine and Surgery, ISSN: 2049-0801.	Scopus, CiteScore 1,4		69/1-5	2021
23	Impact of Androgen Receptor Expression and the AR:ER Ratio on the Survival Outcomes in the Diverse Subgroups of Vietnamese Breast Cancer https://doi.org/10.1177/15330338221080941	6	x	Technology in Cancer Research & Treatment, ISSN: 1533-0346	ISI/Scopus IF 2.876		21/1-20	2022

24	Ovary metastasis from lung cancer mimicking primary ovarian cancer: A rare case report https://doi.org/10.1016/j.amsu.2022.104207	7	x	Annals of Medicine and Surgery, ISSN: 2049-0801	Scopus, CiteScore 1,4		80/1-4	2022
25	Recurrent ovarian cancer presenting with isolated axillary lymph node metastasis: A rare case report https://doi.org/10.1016/j.amsu.2022.103640	4	x	Annals of Medicine and Surgery, ISSN: 2049-0801	Scopus, CiteScore 1,4		77/1-4	2022
Các bài báo trong nước								
26	Đặc điểm ung thư vú di căn xương	4		Tạp Chí Ung Thư Học Việt Nam, ISSN: 1859-400			1/274-278	2017
27	Đánh giá kết quả điều trị bước đầu của phác đồ Trastuzumab – Vinorelbin trên bệnh nhân ung thư vú tái phát, di căn có Her2 dương tính tại Bệnh viện K	3		Tạp Chí Ung Thư Học Việt Nam, ISSN: 1859-400			1/279-284	2017
28	Đánh giá kết quả điều trị hóa chất TA bước một trên bệnh nhân ung thư vú giai đoạn IV	4		Tạp chí Y học lâm sàng, ISSN: 1859-3593			44/88-96	2017
29	Đặc điểm của bệnh nhân ung thư vú tái phát di căn và kết quả điều trị với Vinorelbine đơn chất	2	x	Tạp Chí Ung Thư Học Việt Nam, ISSN: 1859-400			1/313-318	2018

30	Đánh giá hiệu quả bước đầu của Everolimus kết hợp Exemestane trên bệnh nhân ung thư vú tái phát di căn tại Bệnh viện K	4	x	Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			471/15-23	2018
31	Độc tính thần kinh ngoại vi của Oxaliplatin trên bệnh nhân ung thư đường tiêu hóa	5		Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			471/147-152	2018
32	Báo cáo ca bệnh ung thư phổi không tế bào nhỏ có đột biến T790M nguyên phát điều trị bước 1 bằng thuốc ức chế Tyrosine kinase	4		Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			471/242-248	2018
33	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn IIIB tại Bệnh viện K	3		Tạp Chí Ung Thư Học Việt Nam, ISSN: 1859-400			1/63-67	2018
34	Đánh giá kết quả một số yếu tố ảnh hưởng trong phác đồ điều trị hóa xạ trị đồng thời paclitaxel-carboplatin trong điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn III tại Bệnh viện K	3		Tạp chí Y học thực hành, ISSN: 1859-1663			1084 (11)/ 25-29	2018
35	Đánh giá kết quả điều trị bệnh u lympho ác tính không Hodgkin tế bào B lớn lan tỏa tái phát	3		Tạp chí Y học thực hành, ISSN: 1859-1663			9 (1079)/ 57-59	2018

36	Đánh giá hiệu quả capecitabine duy trì trong điều trị ung thư dạ dày giai đoạn muộn sau điều trị bước một	5	x	Tạp Chí Ung Thư Học Việt Nam, ISSN: 1859-400			5/331-339	2019
37	Đánh giá kết quả bước đầu hóa trị bổ trợ trước phác đồ 4AC-4T liều mau trên bệnh nhân ung thư vú bộ ba âm tính tại Bệnh viện K	2		Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			Số 1 tháng 9/185-189	2020
38	Đánh giá kết quả điều trị phác đồ paclitaxel và trastuzumab trên bệnh nhân ung thư vú tái phát di căn tại Bệnh viện K	3		Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			Số 1 tháng 10/227-231	2020
39	Đánh giá kết quả hóa trị bổ trợ Docetaxel kết hợp Cyclophosphamid (TC) trên bệnh nhân ung thư vú cao tuổi tại Bệnh viện K	2		Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			Số 1 tháng 10/223-227	2020
40	Đánh giá đáp ứng hóa trị bổ trợ trước kết hợp trastuzumab trên bệnh nhân ung thư vú giai đoạn II, III	2		Tạp chí Y học thực hành, ISSN: 1859-1663			7(1141)/36-39	2020
41	Đánh giá kết quả hóa trị bổ trợ kết hợp trastuzumab trên bệnh nhân ung thư vú giai đoạn II-III tại Bệnh viện Ung bướu Hà Nội	4		Tạp Chí Ung Thư Học Việt Nam, ISSN: 1859-400			3/229-235	2020
42	Đánh giá kết quả điều trị bổ trợ ung thư vú giai đoạn II, III có thụ thể nội tiết dương tính bằng hóa chất và anastrozole	3		Tạp Chí Ung Thư Học Việt Nam, ISSN: 1859-400			3/236-243	2020

43	Kết quả bước đầu của phác đồ FLOT trong điều trị ung thư biểu mô dạ dày lan rộng tại chỗ	3		Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			Số 2 tháng 9/ 191-195	2020
44	Tổng quan về xạ trị điều biến thể tích hình cung (VMAT) kết hợp với xạ trị áp sát dưới hướng dẫn hình ảnh (IGBT) CT/MRI mô phỏng trong điều trị ung thư cổ tử cung	5		Tạp Chí Ung Thư Học Việt Nam, ISSN: 1859-400			Số 4/ 143-151	2020
45	Đánh giá kết quả điều trị TS1 đơn chất trong ung thư dạ dày giai đoạn muộn tại Bệnh viện K	4		Tạp Chí Ung Thư Học Việt Nam, ISSN: 1859-400			Số 5/ 282-287	2020
46	Kết quả sống thêm 5 năm bệnh nhân ung thư vú giai đoạn I-III điều trị hỗ trợ bằng phác đồ AC-TH	1	x	Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			Số chuyên đề ung thư - tháng 12, 190-195	2020
47	Đánh giá kết quả điều trị ung thư biểu mô tuyến phổi giai đoạn IV bằng phác đồ Bevacizumab/Paclitaxel/Carboplatin	3		Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			Số 2- tháng 12/ 263-267	2020
48	Kết quả điều trị ung thư nội mạc tử cung tái phát bằng phác đồ Paclitaxel Carboplatin và một số yếu tố ảnh hưởng	2		Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			Số 2- tháng 11/ 295-298	2021

49	Kết quả điều trị hỗ trợ trước phác đồ hóa chất kết hợp Trastuzumab và Pertuzumab trên ung thư vú có Her2/neu dương tính	1	x	Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			Số 1- tháng 12/ 310-315	2021
50	Kết quả điều trị Fulvestrant bước 1 trên bệnh nhân ung thư vú tái phát di căn có thụ thể nội tiết dương tính	2		Tạp chí Y học lâm sàng, ISSN: 1859-3593			Số 123/ 106-114	2021
51	Kết quả sống thêm không bệnh và một số yếu tố liên quan trên bệnh nhân ung thư vú bộ ba âm tính được hóa trị hỗ trợ trước 4AC-4T liệu mau tại bệnh viện K	2	x	Tạp chí Y học lâm sàng, ISSN: 1859-3593			Số 125/ 67-75	2021
52	Kết quả sống thêm 10 năm ở bệnh nhân ung thư vú dưới 35 tuổi tại bệnh viện K	2	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học, ISSN 2354-080X			Số 151 tập 3/ 129-136	2022
53	Kết quả hóa trị hỗ trợ phác đồ Docetaxel – Carboplatin - Trastuzumab trên bệnh nhân ung thư vú có Her2/neu dương tính	5		Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			Số 1- tháng 9/ 36-41	2022
54	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị ung thư biểu mô tế bào sáng buồng trứng tại bệnh viện K	4		Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			Số 2- tháng 8/ 248-252	2022
55	Kết quả hóa xạ trị đồng thời bệnh ung thư cổ tử cung giai đoạn tiến triển tại chỗ bằng kỹ thuật VMAT kết hợp xạ áp sát 3D tại bệnh viện K	2		Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			Số 1- tháng 2/ 291-295	2023

56	Độc tính phác đồ hóa xạ trị đồng thời kỹ thuật VMAT và áp sát 3D ung thư cổ tử cung	6		Tạp chí Nghiên cứu Y học, ISSN 2354-080X			Tập 162 Số 1/ 83-93	2023
57	Kết quả điều trị Bevacizumab kết hợp hóa trị trong ung thư buồng trứng giai đoạn muộn	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			Số 1A- tháng 4/ 108-112	2023
58	Kết quả điều trị phác đồ Irinotecan trên bệnh nhân ung thư cổ tử cung giai đoạn tái phát di căn tại bệnh viện K	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			Số 2- tháng 5/ 318-322	2023
59	Kiến thức và hành vi tự chăm sóc của người bệnh ung thư vú điều trị hóa chất tại Bệnh viện K năm 2022	2		Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			Số 2- tháng 5/ 293-296	2023
60	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân ung thư vú thể dị sản tại Bệnh viện K	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			Số 1B- tháng 4/ 268-272	2023
61	Đánh giá ảnh hưởng của một số yếu tố đến kết quả phác đồ Docetaxel-Carboplatin-Trastuzumab trong điều trị hỗ trợ ung thư vú có Her2/neu dương tính	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			Số 1B- tháng 5/ 106-111	2023
62	Kết quả điều trị bệnh nhân ung thư vú thể dị sản tại bệnh viện K	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam, ISSN 1859-1868			Số 1B- tháng 5/ 9-13	2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 07 (bài báo số [11], [15], [16], [20], [23], [24], [25]).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên).



Phùng Thị Huyền